

MÔI TRƯỜNG VÀ GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VỚI SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA TRẺ EM

Nguyễn Tấn Hùng*

Sự hình thành nhân cách của trẻ em là sự thống nhất của *ba quá trình* (có thể gọi là *ba giai đoạn*) bắt đầu từ những thời điểm khác nhau, nhưng sau đó diễn ra đồng thời với nhau. Giai đoạn đầu là sự hình thành và phát triển về mặt sinh lý, bắt đầu từ sự hình thành bào thai trong bụng mẹ. Giai đoạn tiếp theo là sự hình thành và phát triển về mặt tâm lý bắt đầu sau một số tháng nhất định kể từ ngày bào thai hình thành. Trước đây người ta nghĩ rằng sự hình thành tâm lý chỉ diễn ra sau khi đứa trẻ chào đời, chẳng hạn, đứa trẻ cất tiếng khóc đầu tiên khi chào đời, và sau đó ba tháng mới biết cười. Nhưng gần đây bằng phương tiện siêu âm ba chiều hiện đại, người ta mới biết rằng đứa trẻ đã biết cười trong bụng mẹ và thậm chí còn biết “thưởng thức” âm nhạc nữa. Giai đoạn thứ ba là sự hình thành và phát triển về mặt ý thức bắt đầu sau khi đứa trẻ sinh ra được một số tháng tuổi nhất định. Quá trình này diễn ra song song với việc đứa trẻ bắt đầu hiểu được tiếng nói của người lớn và biết dùng ngôn ngữ để diễn đạt sự hiểu biết, tình cảm và những yêu cầu nhất định của mình.

Việc hình thành và phát triển về sinh tâm lý của bào thai diễn ra như thế nào trong bụng mẹ thì ít người biết được ngoài những nhà bào thai học, y học, tâm lý học, đó cũng là điều dễ hiểu. Còn quá trình phát triển về tâm lý-ý thức sau khi đứa trẻ chào đời mặc dù diễn ra trước mắt mọi người nhưng ngay cả các bậc làm cha làm mẹ cũng không có được sự hiểu biết bao nhiêu;

trong lĩnh vực này khoa học vẫn chưa thay thế được những kinh nghiệm lâu đời. Có những khía cạnh trong kinh nghiệm của cha ông chúng ta cho tới nay vẫn còn nguyên giá trị, như “dạy con từ thuở còn thơ”. Tuy nhiên, cũng có những kinh nghiệm đã quá lạc hậu so với thời đại, như “Thương cho roi, cho vọt; ghét cho ngọt, cho bùi”, nhưng nhiều bậc cha mẹ vẫn đang áp dụng nó hàng ngày. Đây thật là một điều không thể chấp nhận được, nhưng lại là một thực tế không thể chối cãi.

Lâu nay, chúng ta đã biết rằng sự hình thành ý thức phải thông qua ngôn ngữ và gắn liền với sự hình thành và phát triển ngôn ngữ, nhưng chúng ta chưa biết rằng *trước khi có ý thức, đứa trẻ đã có cái gì* và cái điều mà nó có trước khi có ý thức lại có tầm quan trọng như thế nào đối với suốt cả quá trình còn lại của cuộc đời. Thông thường các bậc cha mẹ ít quan tâm đến ảnh hưởng của người lớn đối với sự hình thành tâm lý của trẻ em khi chúng chưa biết nói (thường là dưới 20 tháng) và cũng không cần biết trẻ em đã hình thành tâm lý và ý thức như thế nào trong những ngày tháng ban sơ của cuộc đời. Chính sự thiếu hiểu biết này là nguyên nhân dẫn đến những hậu quả đáng tiếc về sau. “Điếc không sợ súng” là một câu tục ngữ sát hợp với tình hình này.

Nghiên cứu hiện tượng “trẻ em hoang dã” (feral children) cho ta kết luận rằng đứa trẻ khi mới sinh ra chỉ có những tiền đề sinh học nhất định để phát triển thành con người, chứ chưa hề có một yếu tố nào của tính cách con người. Sau khi chào đời cho

* TS., Khoa Mác-Lênin trường ĐH Kinh tế Đà Nẵng

đến khi đứa trẻ có khả năng tự ý thức thì sự phát triển sinh-tâm lý và ý thức của trẻ em hoàn toàn phụ thuộc vào môi trường gia đình, trước hết là cha mẹ và quan hệ tiếp xúc với những người gần gũi chăm sóc nó.

Trẻ em hoang dã (feral children) là những trẻ em ngay từ lúc còn rất bé đã phải sống và lớn lên trong môi trường hoang dã. Đó là trường hợp những trẻ em bị thú vật bắt đi, hoặc bị cha mẹ bỏ rơi và được đàn thú nuôi (chó sói, chó hoang, vượn, tinh tinh, gấu, báo, linh dương, v.v.). Ngoài ra, còn có một số trường hợp trẻ em bị người lớn nuôi nhốt trong một nơi khép kín, không cho tiếp xúc với người khác. Cho đến nay người ta đã sưu tập được thông tin của hơn 100 trẻ em hoang dã đã được phát hiện và đưa về với xã hội loài người, ghi lại những dấu hiệu hoang dã của chúng khi mới phát hiện và theo dõi quá trình chuyển biến của những trẻ em đó trong suốt quá trình từ khi thay đổi môi trường sống⁽¹⁾.

Từ việc sưu tập, phân loại, nghiên cứu hiện tượng trẻ em hoang dã, người ta rút ra một số kết luận rất có giá trị khoa học và thực tiễn đối với việc nuôi dạy trẻ em trong những ngày tháng ban sơ của cuộc đời chúng. Chỉ riêng việc xem xét hiện tượng đi đứng và phát triển ngôn ngữ ở trẻ em hoang dã cũng đủ để nói lên ý nghĩa của thời gian từ sơ sinh đến trước hai tuổi đối với sự phát triển của cả cuộc đời của con cái chúng ta và qua đó cho thấy tầm quan trọng của việc nuôi dạy trẻ một cách khoa học trong thời gian này. Do lúc còn bé đã ở trong đàn thú và không được tiếp xúc với xã hội, những trẻ em hoang dã không có điều kiện phát triển tư chí và cơ quan phát âm theo đúng hướng, nên sau này dù được đưa về nuôi dạy trong môi trường xã hội, với sự chăm sóc đặc biệt, chúng cũng không thể trở lại bình thường được. Một phần những trẻ em này chết sau một thời gian ngắn (nếu chúng đã sống hoang dã từ lúc quá bé); những trẻ còn lại được nuôi đến nhiều năm sau, đến

10 năm, thậm chí 30 năm vẫn không thể đi đứng bình thường và chỉ có thể phát âm được một vài từ. Nghiên cứu hiện tượng "trẻ em hoang dã" giúp các bậc cha mẹ thấy cần phải có một phương pháp khoa học nuôi dạy trẻ từ lúc sơ sinh cho đến khi trẻ em đạt đến một trình độ phát triển nhất định về sinh-tâm lý, ý thức.

Vấn đề thứ hai mà chúng tôi muốn đi sâu phân tích sau đây là liệu đánh trẻ, "thương cho roi, cho vọt" có phải là một phương thức dạy trẻ hay không? Công trình nghiên cứu mới được công bố của các nhà khoa học Mỹ giúp các bậc phụ huynh xem lại kinh nghiệm dạy trẻ của mình. Báo "Nhi khoa" (Pediatrics) số tháng Năm-2004 công bố kết quả công trình nghiên cứu của hai nhà khoa học Mỹ: Tiến sĩ triết học Eric P. Slade và tiến sĩ y khoa Lawrence S. Wissow ở Đại học John Hopkins "Đánh trẻ khi còn quá bé thì sau này sẽ có vấn đề về hạnh kiểm: Nghiên cứu về tương lai của trẻ em và nhi đồng". Các nhà khoa học tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích mối liên hệ giữa việc cha mẹ đánh trẻ trước hai tuổi với việc phát triển hạnh kiểm xấu của chúng trong những năm liên tiếp sau đó ở học đường. Công trình nghiên cứu này một phần dựa trên kết quả của một công trình nghiên cứu trước đó được Bộ Lao động Mỹ tài trợ và tiến hành trong khoảng 10 năm từ 1979-1998. Trong thời gian này, khoảng 75.000 gia đình có các bà mẹ trẻ và con cái dưới 21 tuổi được phỏng vấn cứ hai năm một lần. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu này, Slade và các đồng nghiệp của ông tiếp tục theo dõi khoảng 2000 trẻ em dưới hai tuổi cho đến khi chúng bắt đầu đi học và thời gian 4 năm sau khi chúng đi học. Các bậc cha mẹ được phỏng vấn về thói quen đánh trẻ và hạnh kiểm của đứa trẻ sau khi đi học⁽²⁾.

Ở Mỹ có tới 95% trẻ trong độ tuổi từ 3 đến 4 tuổi bị đánh ít nhất mỗi năm một lần. Còn trẻ trước 2 tuổi cũng bị đánh, tuy với tỷ lệ thấp hơn. Theo kết quả một cuộc điều tra

được công bố năm 2001, có 11% cha mẹ đã đánh trẻ từ 6 đến 11 tháng tuổi, 36% đã đánh trẻ từ 12 đến 17 tháng tuổi, 59% đã đánh trẻ từ 18 đến 23 tháng tuổi (từ *spank* mà người Mỹ dùng có nghĩa là *phát* hoặc *đánh vào mông đít*, chúng tôi tạm dịch gọn là “đánh” theo cách nói của người Việt).

Theo sự phân tích của Slade, “việc áp dụng hình phạt về cơ thể ở trẻ em dưới 2 tuổi nguy hiểm hơn ở trẻ lớn, bởi vì trong độ tuổi này trẻ em đang trải qua giai đoạn quá độ căn bản của sự phát triển về tâm lý và ý thức, trong đó có sự bắt đầu thiết lập mối quan hệ với người chăm sóc nó và sự phát triển một cảm giác tin cậy ở người lớn về sự an toàn và bảo đảm”⁽³⁾.

Qua nghiên cứu, các nhà khoa học thấy rằng những trẻ em da trắng dưới 2 tuổi mà bị đánh 1 lần/tuần thì nguy cơ phụ huynh bị mời đến trường nhiều gấp 2 lần so với những trẻ em khác trong suốt 4 năm học sau đó; nếu 5 lần/tuần thì gấp 4,2 lần. Ở Mỹ, người ta đánh trẻ một cách nhẹ nhàng bằng việc phát vào mông (*spank*) mà hậu quả đã như vậy, còn ở nước ta, nhiều bậc phụ huynh còn có thái độ thô bạo hơn nữa thì hậu quả có lẽ còn xấu hơn nhiều, nhưng rất tiếc chưa có một công trình nào nghiên cứu, tổng kết.

Theo Slade, đối với trẻ em trong độ tuổi này, cảm giác an toàn và tin cậy khi ở bên cạnh người lớn là điều kiện cần thiết cho việc hình thành nhân cách của trẻ. Do đó, đánh trẻ là gây *tổn thương* cho đứa trẻ và gây khó khăn cho việc giáo dục chúng về sau.

Theo Tiến sĩ y khoa *J. Burton Banks*, Đại học Đông Tennessee, thành phố Johnson, đánh trẻ là *không thích hợp ở bất cứ độ tuổi nào*, đặc biệt là trẻ em dưới 18 tháng. Trẻ còn bé chưa hiểu được việc chúng làm và mối liên hệ nhân quả, cho nên đánh chúng không có tác dụng gì. Càng đánh nhiều bao nhiêu thì hiệu quả giáo dục càng kém bấy nhiêu. Cha mẹ có khuynh

hướng leo thang sự nghiêm khắc cho đến mức xúc phạm đứa trẻ một cách có hay không có chủ ý. Đánh trẻ là một loại hình phạt dễ vượt quá ranh giới từ hình thức kỷ luật (*discipline*) sang *hành vi xâm hại* trẻ em (*child abuse*)⁽⁴⁾.

Tuy nhiên, công trình nghiên cứu của Slade và đồng nghiệp của ông cũng phân tích sự khác nhau về hệ quả của việc đánh trẻ giữa những gia đình người da trắng với những gia đình người da đen, và những gia đình gốc Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (*Hispanic*). Mức độ hậu quả xấu của việc đánh trẻ không chỉ phụ thuộc vào tập quán văn hóa của mỗi sắc tộc, mà còn vào cả bối cảnh của việc đánh trẻ. Người Mỹ da trắng có tập quán giáo dục trẻ bằng lời nói, vì thế việc đánh trẻ chỉ có ở những gia đình có văn hóa thấp thường có hành vi thô bạo đối với con cái, hoặc do người cha say rượu, cho nên việc đánh trẻ có tác dụng phản giáo dục. Còn ở những gia đình người da đen và những gia đình các sắc tộc khác thì có thói quen đánh để răn dạy trẻ, cho nên tỷ lệ giữa số lần bị đánh và hậu quả hạnh kiểm của trẻ em được rút ra từ việc nghiên cứu những gia đình da trắng không áp dụng được đối với với những gia đình ở khu vực này. Việc người lớn đánh trẻ cũng có thể có những bối cảnh khác nhau và có hậu quả khác nhau: người lớn đánh trẻ để trút sự giận dữ lên đầu đứa trẻ thì có hậu quả xấu hơn là đánh trẻ vì hành vi sai trái của trẻ.

Qua thực tế nuôi dạy con của mình và kinh nghiệm của những gia đình có trẻ em hư hỏng, chúng tôi rất đồng tình với những nhận xét và kết luận của các nhà khoa học Mỹ. Chúng tôi nhận thấy, trường hợp trẻ em vị thành niên bị hư hỏng, bỏ học, nghiện xì ke, đi bụi đời, tham gia gây rối, đánh nhau, thậm chí trộm cắp, giết người không chỉ thấy xuất hiện ở những gia đình dân nghèo thành thị, phải đi làm lụng suốt ngày không thể dành thời gian đầy đủ cho việc chăm lo, dạy dỗ con cái, mà *phần lớn*

lại rơi vào những gia đình có đầy đủ điều kiện kinh tế để nuôi dạy trẻ, nhiều gia đình cán bộ, đảng viên và gia đình cha mẹ có chức có quyền, nhưng trở trêu thay, cha làm thầy, thì con lại “đốt sách”. Những gia đình loại thứ hai này không phải là không quan tâm hoặc không có điều kiện giáo dục con cái, mà chủ yếu là *thiếu phương pháp giáo dục khoa học*. Nổi bật nhất là, nhiều bậc cha mẹ ngay từ đầu đã đặt nhiều hy vọng và có yêu cầu cao đối với con cái của mình, nhưng sau khi thấy con cái mình không đáp ứng được những đòi hỏi đó thì lại *thiếu kiên nhẫn*, dẫn đến hành vi thô bạo trong việc trách phạt, thậm chí xua đuổi con cái, làm cho chúng sớm mất chỗ dựa về mặt tinh thần, chán đời và không còn quan tâm, thậm chí tỏ thái độ bướng bỉnh, bất chấp hoặc làm ngược lại với những giáo huấn của người lớn. Một số trường hợp ngược lại, cha mẹ *nuông chiều con cái quá mức* cũng dẫn đến kết quả con cái hư hỏng.

Phương pháp giáo dục trẻ em đúng đắn nhất là: một mặt, cha mẹ và người lớn phải đem hết tình cảm thương yêu dành cho trẻ em, không có bất cứ hành vi thô bạo nào đối với trẻ. Cách đi đúng, ăn mặc, nói năng của người lớn phải thực sự chuẩn mực, người lớn cư xử với nhau phải lịch sự trước mặt con cái. Người lớn phải thực sự là những tấm gương sáng để trẻ em noi theo, bắt chước theo. Khi trẻ em có những hành vi và thái độ không đúng, người lớn một mặt phải *ngghiêm túc uốn nắn*, nhưng đồng thời phải *hết sức kiên nhẫn*, không được nóng vội. Chẳng những không được đánh trẻ nhỏ, mà ngay đối với trẻ lớn cũng vậy. Đối với trẻ lớn thì phải biết dùng ngôn ngữ để *phân tích điều đúng điều sai* cho chúng thấy.

Quan hệ giữa người lớn và trẻ em không chỉ đòi hỏi *tình thương, sự nghiêm túc, không xuê xoa*, mà đồng thời cần phải có

bầu không khí thật sự dân chủ, cởi mở. Khi một đứa trẻ đã có ý thức rồi thì mọi hành vi của nó, kể cả hành vi sai trái đều có liên quan đến những suy nghĩ, lập luận nhất định của nó. Do đó, trước khi răn dạy trẻ, người lớn phải bình tĩnh để cho trẻ em nói lên được suy nghĩ vì sao nó có hành động sai trái như vậy, sau đó cha mẹ ôn tồn phân tích chỉ ra sai lầm trong suy nghĩ và lập luận của trẻ thì nó mới “tâm phục, khẩu phục” được. Trong bầu không khí dân chủ, ở trẻ em sẽ hình thành thói quen thích cởi mở tâm sự với người lớn về những khó khăn, yếu kém của chúng ở trường, trong cuộc sống hằng ngày. Còn hành vi chửi mắng, đánh đập lâu ngày làm cho trẻ em chai sạn, quen với đòn roi, mất khả năng tự trọng, thường có thói quen che dấu khuyết điểm và nhất là hình thành tâm lý ác cảm, đối lập với cha mẹ, không nghe theo lời cha mẹ nữa nên càng khó giáo dục.

Chú thích:

(1). Website: Feral Children, *Danh sách những trẻ em bị cách ly, nhốt kín và hoang dã* (A list of isolated, confined and feral children),

<http://www.feralchildren.com/en/children.php>

(2), (3). Slade, E. P. and Wissow, L. S., *Spanking in Early Childhood and Later Behavior Problems: A Prospective Study of Infants and Young Toddlers*, Pediatrics, May 2004, vol 113, pp 1321-1330.

(3) Banks, J. Burton, *Childhood Discipline: Challenges for Clinicians and Parents*, American Family Physician, 2002, vol 66, pp 1447-1452.